

Số: 273/NQ-HĐND

Phường Đức Xuân, ngày 25 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội,
đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm giai đoạn 2026 - 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐỨC XUÂN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ phường Đức Xuân lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 2611/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 08-CTr/ĐU ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ phường về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ phường lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Căn cứ Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Đức Xuân về dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân phường và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 tại Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu điều chỉnh (theo Biểu chi tiết đính kèm).

2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Đức Xuân khóa VIII, Kỳ họp thứ năm (*Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026*) thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đảng ủy phường;
- UBND phường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam phường;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Các Tổ dân phố;
- Lưu: VT, VP, HSKH.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Kim Ngân

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của HĐND phường)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giai đoạn 2025 - 2030	Trong đó					Nội dung thay đổi so với Nghị quyết số 260/NQ-HĐND
				KH năm 2026	KH năm 2027	KH năm 2028	KH năm 2029	KH năm 2030	
1	Thu nội địa	Triệu đồng	725.009	139.580	140.840	144.966	146.161	153.462	Bổ sung
1.1	Thu tiền sử dụng đất	Triệu đồng	365.500	85.500	80.000	75.000	65.000	60.000	Bổ sung
1.2	Thu ngân sách địa phương không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết	Triệu đồng	359.509	54.080	60.840	69.966	81.161	93.462	Bổ sung
2	Tốc độ tăng thu ngân sách địa phương không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết, thuế tối thiểu toàn cầu	%	17,3	12	16	18	20	23	Điều chỉnh
3	Sản lượng lương thực có hạt đến năm 2030	Tấn	1.250	1.310	1.295	1.280	1.265	1.250	Bổ sung
4	Sản lượng chè búp tươi đến năm 2030	Tấn	30	30	30	30	30	30	Bổ sung
5	Sản lượng thịt gia súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng đến năm 2030	Tấn	220	200	205	210	215	220	Bổ sung
6	Diện tích trồng rừng tập trung	Ha	140	40	25	25	25	25	Bổ sung

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giai đoạn 2025 - 2030	Trong đó					Nội dung thay đổi so với Nghị quyết số 260/NQ-HĐND
				KH năm 2026	KH năm 2027	KH năm 2028	KH năm 2029	KH năm 2030	
7	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	0,32	0,52	0,42	0,32	0,22	0,22	Điều chỉnh
8	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	100	96	97	98	99	100	Điều chỉnh
9	Tỷ lệ hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa	%	96	96	96	96	96	96	Điều chỉnh
10	Tỷ lệ tổ dân phố đạt danh hiệu Tổ dân phố văn hóa	%	95	95	95	95	95	95	Điều chỉnh
11	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	< 3	< 3	< 3	< 3	< 3	< 3	Bổ sung
12	Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt yêu cầu theo loại đô thị tương ứng	%	70	50	55	60	65	70	Điều chỉnh
13	Tỷ lệ công suất vận hành trạm XLNT trên tổng công suất theo quy hoạch của từng đô thị	%	70	25	35	45	55	70	Bổ sung
14	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	100	100	100	100	100	Bổ sung
15	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định tại thành thị	%	100	65	70	75	80	100	Điều chỉnh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giai đoạn 2025 - 2030	Trong đó					Nội dung thay đổi so với Nghị quyết số 260/NQ-HĐND
				KH năm 2026	KH năm 2027	KH năm 2028	KH năm 2029	KH năm 2030	
16	Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng sử dụng năng lượng xanh	%	40	38	38	38	39	40	Điều chỉnh
17	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên mạng	%	100	100	100	100	100	100	Bổ sung
18	Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G	%	100	80	85	90	95	100	Điều chỉnh
19	Tỷ lệ lực lượng dân quân, tự vệ so với dân số	%	2,99	2,99	2,99	2,99	2,99	2,99	Bổ sung
20	Xây dựng phường là địa bàn không có ma túy		Xây dựng phường là địa bàn không có ma túy			Phấn đấu đạt tiêu chí địa bàn không có ma túy	Duy trì ổn định địa bàn không có ma túy	Duy trì ổn định địa bàn không có ma túy	Bổ sung
20.1	<i>Giảm số người sử dụng trái phép chất ma túy so với năm 2025 và không để phát sinh mới</i>	%		<i>Giảm 30</i>	<i>Giảm 50</i>				
20.2	<i>Tụ điểm phức tạp về ma túy được phát hiện, triệt xóa và không để tái diễn phức tạp tại các địa điểm đã triệt xóa</i>	%		<i>100</i>	<i>100</i>				